SỞ GIÁO DỤC và ĐÀO TẠO TP. HỒ CHÍ MINH
Kỳ thi Olympic Truyền Thống 30/4 lần thứ XXIV năm 2018
Tổ chức tại trường THPT Chuyên Lê Hồng Phong - Tp. Hồ Chí Minh
Khóa thi ngày 07/04/2018

BẢNG THỐNG KÊ KẾT QUẢ THI THEO KHỐI-MÔN

Khối: 11 **Môn: Sử** **Thang Điểm 20**

STT	SBD	HỌ	TÊN	TÊN TRƯỜNG	TỈNH	TỔNG ĐIỂM	HẠNG	GIẢI
1	11.3088	Bùi Lệ	Quyên	Chuyên Bình Long	Bình Phước	17,750	1	HCV
2	11.3036	Bùi Lan	Hương	Chuyên Nguyễn Chí Thanh	Đắk Nông	16,000	2	HCV
3	11.3032	Nguyễn Hiếu	Huấn	Gia Định	Tp. Hcm	15,250	3	HCV
4	11.3113	Trần Ngọc Đoan	Trang	Chuyên Lê Hồng Phong	Tp. Hcm	15,000	4	HCV
5	11.3108	Phạm Thiên	Trang	Chuyên Huỳnh Mẫn Đạt	Kiên Giang	14,500	5	HCV
6	11.3119	Hồ Tấn	Tú	Chuyên Bình Long	Bình Phước	14,500	5	HCV
7	11.3039	Đỗ Đặng Nhật	Huy	Nguyễn Thượng Hiền	Tp. Hcm	14,500	5	HCV
8	11.3047	Huỳnh Ngọc Phương	Linh	Gia Định	Tp. Hcm	14,250	8	HCV
9	11.3116	Phan Ngọc Phương	Trinh	Chuyên Lê Hồng Phong	Tp. Hcm	14,250	8	HCV
10	11.3117	Nguyễn Việt Khánh	Trình	Chuyên Lê Hồng Phong	Tp. Hcm	14,250	8	HCV
11	11.3045	Võ Văn	Khởi	Chuyên Vị Thanh	Hậu Giang	14,000	11	HCV
12	11.3003	Vương Thị Vân	Anh	Nguyễn Thượng Hiền	Tp. Hcm	14,000	11	HCV
13	11.3015	Phạm Thị Ngọc	Diễm	Gia Định	Tp. Hcm	14,000	11	HCV
14	11.3041	Vũ Thị	Huyền	Chuyên Phan Ngọc Hiển	Cà Mau	13,750	14	HCV
15	11.3109	Trần Thị Huyền	Trang	Chuyên Nguyễn Chí Thanh	Đắk Nông	13,500	15	HCV
16	11.3133	Hoàng Hải	Yến	Chuyên Quang Trung	Bình Phước	13,500	15	HCV
17	11.3112	Nguyễn Ngọc Kim	Trang	Chuyên Lê Quý Đôn	Khánh Hòa	13,500	15	HCV
18	11.3128	Đỗ Hoàng Anh	Vũ	Chuyên Nguyễn Đình Chiểu	Đồng Tháp	13,500	15	HCV
19	11.3064	Phan Thị Kim	Ngọc	Chuyên Thoại Ngọc Hầu	An Giang	13,500	15	HCV
20	11.3104	Hứa Thị	Thủy	Dtnt N'Trang Lơng	Đắk Lắk	13,500	15	HCV
21	11.3043	Tiết Minh	Khang	Chuyên Huỳnh Mẫn Đạt	Kiên Giang	13,250	21	HCV
22	11.3123	Nguyễn Khánh	Tùng	Chuyên Thăng Long	Lâm Đồng	13,250	21	HCV
23	11.3120	Vũ Minh	Tuấn	Chuyên Lê Quý Đôn	Ninh Thuận	13,250	21	HCV
24	11.3091	Hoàng Thị	Soi	Chuyên Quang Trung	Bình Phước	13,250	21	HCV
25	11.3024	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Chuyên Long An	Long An	13,250	21	HCV
26	11.3118	Trần Thị Thanh	Trúc	Chuyên Trần Hưng Đạo	Bình Thuận	13,000	26	HCV
27	11.3093	Trần Minh	Tâm	Chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm	Vĩnh Long	13,000	26	HCV
28	11.3018	Nguyễn Thị	Dung	Đăk Song	Đắk Nông	13,000	26	HCV
29	11.3016	Lê Quang	Đức	Chuyên Hùng Vương	Bình Dương	12,750	29	HCB
30	11.3096	Nguyễn Tô Phương	Thảo	Chuyên Lương Thế Vinh	Đồng Nai	12,750	29	HCB
31	11.3023	Võ Thị Ngọc	Giang	Chuyên Trần Hưng Đạo	Bình Thuận	12,750	29	HCB
32	11.3115	Nguyễn Thị Phương	Trinh	Chuyên Lê Quý Đôn	Vũng Tàu	12,750	29	HCB
33	11.3056	Vũ Thị Kim	Ngân	Chuyên Lương Thế Vinh	Đồng Nai	12,500	33	HCB
34	11.3035	Nguyễn Thanh	Hương	Cư M'Gar	Đắk Lắk	12,250	34	HCB
35	11.3089	Vũ Thị Thúy	Quỳnh	Dtnt N'Trang Lơng	Đắk Lắk	12,250	34	HCB
36	11.3111	Vũ Thị Kiều	Trang	Chuyên Lê Quý Đôn	Vũng Tàu	12,250	34	HCB
37	11.3038	Nguyễn Quốc	Huy	Chuyên Nguyễn Du	Đắk Lắk	12,000	37	HCB
38	11.3034	Bùi Hoàng	Hưng	Chuyên Nguyễn Du	Đắk Lắk	12,000	37	HCB
39	11.3084	Nguyễn Thị Minh	Phượng	Chuyên Quang Trung	Bình Phước	12,000	37	HCB
40	11.3131	Đào Thị Kiều	Vy	Lê Quý Đôn	Đắk Nông	12,000	37	HCB
41	11.3061	Huỳnh Lê Phương	Nghi	Chuyên Lê Khiết	Quảng Ngãi	11,750	41	HCB
42	11.3074	Lê Văn	Nhân	Chuyên Lê Quý Đôn	Đà Nẵng	11,750	41	HCB
43	11.3110	Bùi Thị Thùy	Trang	Chuyên Lê Quý Đôn	Ninh Thuận	11,750	41	HCB
44	11.3085	Trần Hải	Phượng	Nguyễn Thượng Hiền	Tp. Hcm	11,750	41	HCB
45	11.3124	Phạm Thị Thanh	Tuyền	Chuyên Bến Tre	Bến Tre	11,500	45	HCB
46	11.3067	Lữ Hoàng Bảo	Ngọc	Chuyên Long An	Long An	11,500	45	HCB
47	11.3037	Nguyễn Thanh	Hương	Chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm	Vĩnh Long	11,500	45	HCB

SỞ GIÁO DỤC và ĐÀO TẠO TP. HỒ CHÍ MINH
Kỳ thi Olympic Truyền Thống 30/4 lần thứ XXIV năm 2018
Tổ chức tại trường THPT Chuyên Lê Hồng Phong - Tp. Hồ Chí Minh
Khóa thi ngày 07/04/2018

BẢNG THỐNG KÊ KẾT QUẢ THI THEO KHỐI-MÔN

Khối: 11 **Môn: Sử** **Thang Điểm 20**

STT	SBD	HỌ	TÊN	TÊN TRƯỜNG	TỈNH	TỔNG ĐIỂM	HẠNG	GIẢI
48	11.3060	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Chuyên Lê Khiết	Quảng Ngãi	11,250	48	HCB
49	11.3075	Huỳnh Huế Nhi	Nhi	Chuyên Huỳnh Mẫn Đạt	Kiên Giang	11,250	48	HCB
50	11.3092	Nguyễn Văn Thành	Tâm	Lê Quý Đôn	Đắk Nông	11,250	48	HCB
51	11.3005	Dương Chiêu	Anh	Chuyên Lê Khiết	Quảng Ngãi	11,250	48	HCB
52	11.3020	Ngô Thị Đoan	Dung	Trường Chinh	Đắk Nông	11,250	48	HCB
53	11.3052	Trần Ái	My	Chuyên Nguyễn Thị Minh Khai	Sóc Trăng	11,000	53	HCB
54	11.3031	Trịnh Mai	Hoa	Chuyên Lê Quý Đôn	Vũng Tàu	11,000	53	HCB
55	11.3076	Nguyễn Thị Hồng	Nhi	Chuyên Hùng Vương	Gia Lai	11,000	53	HCB
56	11.3098	Nguyễn Đức	Thịnh	Chuyên Bến Tre	Bến Tre	10,750	56	HCB
57	11.3121	Nguyễn Minh	Tuấn	Nguyễn Hữu Huân	Tp. Hcm	10,750	56	HCB
58	11.3006	Phạm Phương	Anh	Chuyên Hùng Vương	Bình Dương	10,750	56	HCB
59	11.3009	Phan Thị Quỳnh	Châu	Chuyên Lê Quý Đôn	Đà Nẵng	10,750	56	HCB
60	11.3042	Trần Thị Hoàng An	Khang	Chuyên Long An	Long An	10,750	56	HCB
61	11.3030	Vũ Mỹ	Hậu	Lê Quý Đôn	Đắk Nông	10,500	61	HCB
62	11.3132	Hoàng Thị Thảo	Vy	Trường Chinh	Đắk Nông	10,500	61	HCB
63	11.3086	Phạm Thị	Phượng	Chuyên Nguyễn Chí Thanh	Đắk Nông	10,250	63	HCD
64	11.3002	Trần Thị Lan	Anh	Đăk Song	Đắk Nông	10,250	63	HCD
65	11.3054	Trần Thị Kim	Ngân	Chuyên Thoại Ngọc Hầu	An Giang	10,250	63	HCD
66	11.3066	Lê Thị Bích	Ngọc	Chuyên Nguyễn Thiện Thành	Trà Vinh	10,000	66	HCD
67	11.3087	Lương Văn	Quân	Nguyễn Tất Thành	Đắk Nông	10,000	66	HCD
68	11.3028	Lê Đoàn Minh	Hằng	Chuyên Lê Quý Đôn	Khánh Hòa	10,000	66	HCD
69	11.3051	Nguyễn Nguyên Thi	Lý	Chuyên Thăng Long	Lâm Đồng	10,000	66	HCD
70	11.3025	Nguyễn Mai Gia	Hân	Chuyên Thăng Long	Lâm Đồng	10,000	66	HCD
71	11.3101	Tô Ngọc Minh	Thư	Chuyên Bến Tre	Bến Tre	10,000	66	HCD
72	11.3058	Bùi Thị Quỳnh	Ngân	Chuyên Bình Long	Bình Phước	10,000	66	HCD
73	11.3026	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	Phước Bình	Bình Phước	9,750	73	HCD
74	11.3033	Nguyễn Thị Thanh	Huế	Trường Chinh	Đắk Nông	9,750	73	HCD
75	11.3126	Huỳnh Thị Thanh	Vân	Chuyên Nguyễn Thiện Thành	Trà Vinh	9,750	73	HCD
76	11.3010	Phạm Ngọc Vũ	Thư	Chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm	Vĩnh Long	9,500	76	HCD
77	11.3130	Phan Thúy	Vy	Chuyên Phan Ngọc Hiển	Cà Mau	9,500	76	HCD
78	11.3065	Lê Trương Bảo	Ngọc	Chuyên Tiền Giang	Tiền Giang	9,500	76	HCD
79	11.3107	Nguyễn Thị Kiều	Trang	Đăk Song	Đắk Nông	9,250	79	HCD
80	11.3049	Nguyễn Lê Bảo	Long	Chuyên Trần Hưng Đạo	Bình Thuận	9,250	79	HCD
81	11.3079	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	Chuyên Nguyễn Quang Diêu	Đồng Tháp	9,000	81	HCD
82	11.3134	Nguyễn Thụy Hoàng	Yến	Chuyên Lê Quý Đôn	Ninh Thuận	9,000	81	HCD
83	11.3046	Phạm Thị Lệ	Linh	Chuyên Lương Thế Vinh	Đồng Nai	9,000	81	HCD
84	11.3080	Triệu Thị Phi	Nhung	Dtnt N'Trang Lơng	Đắk Lắk	9,000	81	HCD
85	11.3097	Châu Bích	Thảo	Chuyên Hùng Vương	Gia Lai	9,000	81	HCD
86	11.3127	Phan Vĩnh	Vẹn	Chuyên Nguyễn Thiện Thành	Trà Vinh	9,000	81	HCD
87	11.3053	Lâm Diễm	My	Chuyên Lý Tự Trọng	Cần Thơ	8,750	87	HCD
88	11.3099	Nguyễn Kim	Thoa	Nguyễn Hữu Huân	Tp. Hcm	8,750	87	HCD
89	11.3069	Nguyễn Hoàng Minh	Ngọc	Nguyễn Hữu Huân	Tp. Hcm	8,750	87	HCD
90	11.3019	Huỳnh Ngọc	Dung	Chuyên Nguyễn Đình Chiểu	Đồng Tháp	8,500	90	HCD
91	11.3055	Huỳnh Kim	Ngân	Chuyên Nguyễn Đình Chiểu	Đồng Tháp	8,500	90	HCD
92	11.3071	Nguyễn Thái	Nguyễn	Chuyên Vị Thanh	Hậu Giang	8,250	92	HCD
93	11.3103	Trịnh Thị Đan	Thuỳ	Chuyên Vị Thanh	Hậu Giang	8,250	92	HCD
94	11.3083	Lâm Thị Yến	Phương	Chuyên Lý Tự Trọng	Cần Thơ	8,250	92	HCD

SỞ GIÁO DỤC và ĐÀO TẠO TP. HỒ CHÍ MINH
Kỳ thi Olympic Truyền Thống 30/4 lần thứ XXIV năm 2018
Tổ chức tại trường THPT Chuyên Lê Hồng Phong - Tp. Hồ Chí Minh
Khóa thi ngày 07/04/2018

BẢNG THỐNG KÊ KẾT QUẢ THI THEO KHỐI-MÔN

Khối: 11 **Môn: Sử** **Thang Điểm 20**

STT	SBD	HỌ	TÊN	TÊN TRƯỜNG	TỈNH	TỔNG ĐIỂM	HẠNG	GIẢI
95	11.3013	Nguyễn Hải	Đăng	Chuyên Phan Ngọc Hiển	Cà Mau	7,750	95	
96	11.3004	Lê Nguyễn Nhựt	Anh	Chuyên Lý Tự Trọng	Cần Thơ	7,750	95	
97	11.3078	Hoàng Hải	Như	Chuyên Bảo Lộc	Lâm Đồng	7,750	95	
98	11.3012	Trương Khánh	Đan	Chuyên Hùng Vương	Bình Dương	7,750	95	
99	11.3048	Nguyễn Triều	Long	Chuyên Thoại Ngọc Hầu	An Giang	7,500	99	
100	11.3090	Nguyễn Ràn	Ry	Buôn Đôn	Đắk Lắk	7,250	100	
101	11.3100	Nguyễn Anh	Thư	Mạc Đĩnh Chi	Tp. Hcm	7,250	100	
102	11.3077	Châu Bảo	Nhi	Chuyên Lê Quý Đôn	Đà Nẵng	7,250	100	
103	11.3106	Trần Minh	Tính	Chuyên Nguyễn Quang Diêu	Đồng Tháp	7,250	100	
104	11.3027	Võ Diễm	Hằng	Chuyên Lương Văn Chánh	Phú Yên	7,000	104	
105	11.3081	So Qua	Ni	Mạc Đĩnh Chi	Tp. Hcm	7,000	104	
106	11.3007	Đặng Thị	Bình	Phan Đình Phùng	Đắk Nông	6,750	106	
107	11.3040	Nguyễn Gia	Huy	Phan Châu Trinh	Đà Nẵng	6,750	106	
108	11.3095	Nguyễn Phan Tấn	Vinh	Chuyên Tiền Giang	Tiền Giang	6,500	108	
109	11.3068	Đặng Văn	Ngọc	Chuyên Bảo Lộc	Lâm Đồng	6,500	108	
110	11.3135	Đoàn Nguyễn Hoàng	Yến	Chuyên Nguyễn Thị Minh Khai	Sóc Trăng	6,500	108	
111	11.3094	Trần Nguyễn Ngọc	Tân	Chuyên Hùng Vương	Gia Lai	6,500	108	
112	11.3102	Bạch Mã Minh	Thư	Chuyên Bảo Lộc	Lâm Đồng	6,250	112	
113	11.3014	Hồ Thị Ngọc	Diễm	Chuyên Nguyễn Du	Đắk Lắk	6,250	112	
114	11.3011	Đỗ Đông	Chiến	Chuyên Lê Quý Đôn	Khánh Hòa	6,000	114	
115	11.3082	Đặng Phúc Đình	Phụng	Mạc Đĩnh Chi	Tp. Hcm	6,000	114	
116	11.3029	Nguyễn Võ Minh	Hào	Chuyên Tiền Giang	Tiền Giang	5,750	116	
117	11.3063	Lê	Ngoan	Lương Thế Vinh	Đắk Nông	5,750	116	
118	11.3062	Trần Minh	Nghĩa	Phạm Văn Đồng	Đắk Nông	5,250	118	
119	11.3073	Nguyễn Lê Quan	Nhã	Chuyên Trần Đại Nghĩa	Tp. Hcm	5,250	118	
120	11.3105	Phan Trần Cẩm	Tiên	Chuyên Lương Văn Chánh	Phú Yên	5,250	118	
121	11.3057	Nguyễn Thị Hồng	Ngân	Chuyên Hoàng Lê Kha	Tây Ninh	5,000	121	
122	11.3017	Lê Huỳnh	Đức	Chuyên Hoàng Lê Kha	Tây Ninh	5,000	121	
123	11.3044	Trà Quốc	Khang	Phan Châu Trinh	Đà Nẵng	4,500	123	
124	11.3059	Phạm Thị Thủy	Ngân	Chuyên Nguyễn Quang Diêu	Đồng Tháp	4,500	123	
125	11.3114	Trần Lữ Ngọc	Trinh	Chuyên Trần Đại Nghĩa	Tp. Hcm	4,250	125	
126	11.3129	Huỳnh Nguyễn Thiê	Vương	Phan Châu Trinh	Đà Nẵng	4,000	126	
127	11.3008	Phạm Ngọc Minh	Châu	Chuyên Trần Đại Nghĩa	Tp. Hcm	4,000	126	
128	11.3022	Ngô Thị Hồng	Duyên	Chuyên Lương Văn Chánh	Phú Yên	3,750	128	
129	11.3072	Cao Thái	Nguyệt	Chuyên Thủ Khoa Nghĩa	An Giang	3,750	128	
130	11.3050	Nguyễn Đức	Lương	Chuyên Nguyễn Thị Minh Khai	Sóc Trăng	3,500	130	
131	11.3122	Nguyễn Trí	Tuệ	Chuyên Thủ Khoa Nghĩa	An Giang	3,250	131	
132	11.3001	Phan Vũ Minh	Anh	Nam Sài Gòn	Tp. Hcm	0,000	132	
133	11.3021	Nguyễn Nhật	Duyên	Nguyễn Trãi	Ninh Thuận	0,000	132	
134	11.3070	Bùi Thảo	Nguyên	Nam Sài Gòn	Tp. Hcm	0,000	132	
135	11.3125	Nguyễn Duy	Uyên	Nam Sài Gòn	Tp. Hcm	0,000	132	